

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **208/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/6/2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phùng Thị Nhã U**, sinh năm 1995;

HKTT: Tổ A, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;

Tạm trú: 247, đường H, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phan Thế A**, sinh năm 1989;

HKTT: Tổ A, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: 247, đường H, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà U có đơn xin vắng mặt, ông Thế A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Phùng Thị Nhã U trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Thế A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần họ hàng hai bên gia đình cũng như vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thế A.

- Về con chung: Bà U xác định có 02 con chung, cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 27/9/2016 và cháu Phan Thế T1, sinh ngày 13/01/2021. Sau khi ly hôn bà U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 và cháu T. Tạm thời, bà U không yêu cầu ông Thế A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Phan Thế A được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án.**

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn bà Phùng Thị Nhã U, cho bà Phùng Thị Nhã U được ly hôn với ông Phan Thế A; Về con chung: Giao cháu Phan Thế T1,

sinh ngày 13/01/2021 và cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 27/9/2016 cho bà U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà U không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Phùng Thị Nhã U phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phùng Thị Nhã U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà U được ly hôn với ông Phan Thế A. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Phùng Thị Nhã U là nguyên đơn, ông Phan Thế A là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn xác minh ngày 01/4/2024, Công an phường L, thành phố B cung cấp: Ông Phan Thế A hiện nay đang cư trú tại địa chỉ B, đường H, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Nhã U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Phan Thế A nhưng ông Thế A không đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên tòa xét xử; bà Phùng Thị Nhã U có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà U, ông Thế A.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Nhã U, HĐXX xét thấy: Bà Phùng Thị Nhã U và ông Phan Thế A tự nguyện kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Được Ủy ban nhân dân xã, huyện

Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2016 ngày 04/4/2016. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo bà U trình bày có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần họ hàng hai bên gia đình cũng như vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Thế A theo quy định nhưng ông Thế A không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông Thế A đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với bà U. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bà U vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông Thế A nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Phùng Thị Nhã U được ly hôn với ông Phan Thế A.

[6] Về con chung: Bà U, ông Thế A có 02 con chung, cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 27/9/2016 và cháu Phan Thế T1, sinh ngày 13/01/2021. Ly hôn bà U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 và cháu T. Bà U không yêu cầu ông Thế A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 27/9/2016 và cháu Phan Thế T1, sinh ngày 13/01/2021 hiện nay đang ở với bà U. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với ông Thế A. Để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của cháu T1 và cháu T. Mặt khác cháu T có nguyện vọng ở với mẹ, xét nguyện vọng của cháu T là hoàn toàn chính đáng. Các cháu hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Vì vậy cần thiết giao cháu T, cháu T1 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Bà U không yêu cầu ông Thế A cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phùng Thị Nhã U phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Thế A không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2016;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Nhã U, cho bà Phùng Thị Nhã U được ly hôn với ông Phan Thế A.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thế T1, sinh ngày 13/01/2021 và cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 27/9/2016 cho bà U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà U không yêu cầu.

Ông Thế A được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Phùng Thị Nhã U phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà U đã nộp tại biên lai số 0002864 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Phùng Thị

Nhã U đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Thế A không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phùng Thị Nhã U, ông Phan Thế A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh